

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 163/2025/HS-PT
Ngày: 24- 12 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung; Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Cao Nguyễn H; Huỳnh Thanh X; Nguyễn Minh K; Nguyễn Minh K1 do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1; kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T là bà Thạch Ngọc Diễm T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10-Vĩnh Long.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. **Cao Nguyễn H**, sinh ngày 17/3/2007; nơi sinh tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long); số định danh cá nhân: 084207007929; nơi cư trú: Khóm C, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Tấn H1 và bà Nguyễn Thị Thúy L; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 290/QĐ-XPHC ngày 27/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T xử phạt số tiền 1.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 18/01/2024; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPHC ngày 06/5/2024 bị Trưởng Công an thành phố T xử phạt số tiền 3.250.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 28/01/2024; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 94/QĐ-XPHC ngày 07/10/2024 bị Trưởng Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác vào ngày 25/8/2024; bị tạm giam từ ngày 20/8/2025 đến nay, có mặt.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. **Huỳnh Thanh X**, sinh ngày 02/4/2006; nơi sinh tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long); số định danh cá nhân: 084206010696; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T2 và bà Tô Thị Thanh T3; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 156/QĐ-XPHC ngày 09/10/2024 của Trưởng Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ có khả năng sát thương nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPHC ngày 07/10/2024 bị Trưởng Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 4.000.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác vào ngày 25/8/2024; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 04/02/2008; nơi sinh tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long); số định danh cá nhân: 084208001992; nơi cư trú: ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm H, phường L, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị N; tiền án: không; tiền sự: có 02 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 42/QĐ-XPHC ngày 30/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T xử phạt hình thức Cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 18/01/2024; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/QĐ-XPHC ngày 06/5/2024 bị Công an thành phố T xử phạt hình thức Cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 28/01/2024; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 98/QĐ-XPHC ngày 07/10/2024 bị Trưởng Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 2.000.000 đồng về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác vào ngày 25/8/2024; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Nguyễn Minh K1**, sinh ngày 30/12/2004; nơi sinh tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long); số định danh cá nhân: 084204005053; nơi cư trú: ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm H, phường L, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Minh K:* Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1981 và Nguyễn Thị N, sinh năm: 1975; (cha và mẹ của bị cáo); nơi cư trú: khóm H, phường L, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh X:* Luật sư Nguyễn Văn N1 –

Đoàn Luật sư tỉnh V, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1*: Luật sư Trầm Phú L1 - Đoàn Luật sư tỉnh V, có mặt.

- *Bị hại*: Thạch Gia T, sinh ngày 20/02/2010; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại T: Bà Thạch Ngọc Diễm T1, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: ấp B, phường H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn Hoàng V- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Trung tâm T7 tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Cao Tấn H1, sinh năm: 1984; (cha của bị cáo Cao Nguyễn H); nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1988; (mẹ của bị cáo Cao Nguyễn H); nơi cư trú: Khóm C, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau trên mạng xã hội nên vào ngày 28/5/2024 Thạch Thành H4 điện thoại cho Nguyễn Hoàng P hẹn nhau ra đoạn đường nhựa thuộc ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long) để đánh nhau. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, P nhắn tin rủ Hoàng Văn K2; Nguyễn Nhựt D; Lâm Văn H3 và Trần Văn T4 đánh nhau với nhóm của H4 thì tất cả đều đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày K2 đến nhà Huỳnh Thanh X rủ X đi đánh nhau với nhóm của Thạch Thành H4 và Thạch Gia T nhưng X không đồng ý nên K2 mượn X 01 cây dao tự chế để đi đánh nhau với nhóm của T và H4 thì X đồng ý. Sau khi mượn được dao, K2 đi đến nhà Chao Minh Đ thì gặp Nguyễn Hoàng P; Lâm Văn H3 có đem theo 01 cây dao tự chế; Đoàn Minh T5, Trần Văn T4, Nguyễn Nhựt D, Trương Văn B và Trần Tuấn B1. Sau đó, nhóm K2 đi đến địa điểm đã hẹn thì nhìn thấy nhóm của T có nhiều người nên nhóm của K2 đi về nhà Chao Minh Đ để bàn bạc và đợi nhóm của T và H4 đi về bót để đánh T và H4. Tại nhà Đ, P liên hệ Cao Nguyễn H nói đánh nhau với nhóm của T thì H đồng ý. Lúc này, H rủ thêm

Nguyễn Minh K và Phan Minh Đ1 đi đánh nhau thì K, Đ1 đồng ý. Trước khi đi, H đem theo 01 cây dao tự chế, Đ1 điều khiển xe mô tô chở K và H đi đến nhà X, trên đường đi H ghé vào nhà của Đặng Quốc N2 để mượn thêm dao nhưng N2 không có ở nhà mà có Đặng Quốc H5 (em ruột của N2), H hỏi mượn 03 cây dao tự chế nhưng H không nói cho H5 biết mục đích mượn dao để làm gì. Còn K2 thì điện thoại cho Nguyễn Minh K1 đến đánh nhau với nhóm của T và H4 thì K1 đồng ý. Lúc này, K2 kêu H3 điều khiển xe chở K2 đến nhà của X để gặp nhóm của H và K1. Tại đây, K2 gặp X, K, H, K1, Đ1. Lúc này, X nói 07 người mà có 06 cây dao nên kêu ai còn thì đi lấy thêm. H3 điều khiển xe chở K đi lấy 02 cây dao tự chế (K lấy 01 cây, H3 lấy 01 cây), X đem ra thêm 01 cây dao tự chế. H và K2 lấy bao gom dao lại rồi cả nhóm đi đến điểm hẹn với nhóm của T và H4. Khi đi, Đ1 điều khiển xe chở H và K, H ôm bao đựng dao; K1 điều khiển xe mô tô chở X; H3 điều khiển xe chở K2. Khi đến gần điểm hẹn thì gặp P, Đ, D, T4, B1, T5, B. Tại đây, H lấy bao đựng dao đồ ra, K, X, H, K1, K2, H3, T4, Đ1, T5 mỗi người lấy 01 cây dao rồi tất cả đi bộ lại điểm hẹn với T và H4. Khi đến nơi, không gặp nhóm của T ở đó nên P điện thoại cho H4 kêu H4 ra điểm hẹn đánh nhau thì H4 đồng ý. Lúc này, cả nhóm núp vào bụi cỏ ven đường đợi nhóm T và H4 đến. Khoảng 05 phút sau, T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 84C1-053.21 chở H4 và đem theo 02 cây dao tự chế chạy đến. Khi đó, K2 cầm dao tự chế chạy ra chém về hướng của T và H4 nhưng không trúng. D cầm cục đá chạy ra và dùng chân đạp vào xe của T, làm cho xe, T và H4 té nằm ngửa trên đường, T bị pô xe đè lên làm bong vùng gót chân phải. Thấy vậy, P chạy đến dùng dao tự chế chém 01 cái vào người của T, K dùng dao tự chế chém 01 cái vào người của T và một cái trúng vào xe mô tô, X dùng dao tự chế chém vào người của T 01 cái và chém vào xe mô tô, H dùng dao tự chế chém vào xe mô tô khoảng 2-3 cái và chém vào vùng hông của T khoảng 2 cái. Khi bị chém, T co 02 chân và 02 tay lại đỡ nên bị thương tích ở cổ bàn tay trái; mặt sau khuỷu tay trái; ngón 01, ngón 2, ngón 3 bàn tay trái; mặt trước gối trái; mặt trước gối phải; mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải. Còn H4 thì bỏ chạy ra ngoài ruộng, K1 đuổi theo dùng cán dao đánh trúng vào đầu H4 02-03 cái làm H4 bị thương. K1 tiếp tục dùng tay đánh vào vùng mặt H4 nhưng không gây thương tích. Những người còn lại trong nhóm của P đứng nhìn không tham gia đánh T và H4. Sau đó, nhóm của P bỏ đi về. X lấy 02 cây dao tự chế đem về nhà cất giấu, số dao còn lại H và K đem về nhà H cất giấu. Sau đó, T và H4 được đưa đi bệnh viện Đ2 cấp cứu và điều trị.

- Đối với thương tích của Thạch Thành H4: Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống: 216/2024/KLTTCT-TTPY ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh T kết luận: Các kết quả chính: Sẹo nhỏ vùng đỉnh đầu bên phải, tỷ lệ 1%. Kết luận: Căn cứ vào Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ

phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Thạch Thành H4 tại thời điểm giám định là 1%, (áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư). Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương trên người của em Thạch Thành H4 là do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích là vật tày cứng; Hướng tác động từ trên xuống.

- Đối với thương tích của Thạch Gia T: Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống: 215/2024/KLTTCT-TTPY ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh T kết luận: Các kết quả chính: Gãy xương bánh chè trái, tỷ lệ 4%; Sẹo lớn vùng cổ bàn tay trái, tỷ lệ 3%; Sẹo lớn vùng mặt trước gối trái, tỷ lệ 3%; Sẹo trung bình mặt sau khuỷu trái, tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng ngón 3 tay trái, tỷ lệ 2%; Sẹo trung bình vùng mặt trước gối phải, tỷ lệ 2%; Sẹo nhỏ vùng ngón 1 tay trái, tỷ lệ 1%; Sẹo nhỏ vùng ngón 2 tay trái, tỷ lệ 1%; Sẹo nhỏ vùng mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải, tỷ lệ 1%; Sẹo bỏng vùng góc chân phải, tỷ lệ 1%. Kết luận: Căn cứ vào Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Thạch Gia T tại thời điểm giám định là 18%. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương trên người của Gia T là do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích là: Vật sắc; Hướng tác động: Từ trên xuống; Đối với vết bỏng vùng gót chân phải: Cơ chế do tiếp xúc trực tiếp với vật nóng.

Tại kết luận định giá số 45/KL-ĐGTS ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: Ốp đèn trước bị bể; Đèn tín hiệu bên phải bị bể; Ốp trước xe bị bể, Chấn bunn trước bị nứt (bánh trước); Chấn bunn sau bị bể (bánh trước); Vỡ bánh trước và ruột xe bị đứt; Vành bánh xe (bánh trước) bị đứt; Ốp trước bên phải bị bể; Ốp trên ống chính bị bể; Ốp trên thân bên phải bị cày khuyết và đứt của xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, hãng H6, biển số 84C1-053.21 với tổng số tiền 1.910.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Nguyễn H; Huỳnh Thanh X; Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 của Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Cao Nguyễn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2025.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa

thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự: Các bị cáo Cao Nguyễn H, Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 phải liên đới bồi thường tất các các chi phí cho bị hại Thạch Gia T tổng số tiền 121.240.000 đồng; Các bị cáo đã khắc phục được 110.000.000 đồng; cho nên các bị cáo tiếp tục phải liên đới bồi thường cho bị hại Thạch Gia T số tiền còn lại là 11.240.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ khi chậm thi hành án dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Huỳnh Thanh X kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất; bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất và được hưởng án treo.

Ngày 24/9/2025, bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo và tăng số tiền bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Cao Nguyễn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T là bà Thạch Ngọc Diễm T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Cao Nguyễn H, Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh K1. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo; các đối tượng khác có tham gia chém bị hại cùng cha và mẹ của họ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 173.200.000 đồng.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh K: thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 và kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T là bà Thạch Ngọc Diễm T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối

với kháng cáo của bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh K1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 Bộ luật Hình sự và Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Cao Nguyễn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2025. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 Bộ luật Hình sự và Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Cao Nguyễn H, Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 phải liên đới bồi thường cho bị hại Thạch Gia T số tiền còn lại là 11.240.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thanh X thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo. Song mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là quá nặng trong khi bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội do bị các đồng phạm khác rủ rê, lôi kéo. Bị hại cũng có một phần lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, Nguyễn Hoàng P và các đối tượng khác có tham gia chém bị hại nên phải đưa các đối tượng này và cha mẹ tham gia tố tụng để thực hiện nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại cùng với các bị cáo mới đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 thống nhất tội danh, điều khoản mà bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị hại cũng có một phần lỗi; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Minh K là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức còn hạn chế. Bị cáo K và K1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo K là người chưa thành niên phạm tội, bị cáo K1 có nhân thân tốt, tham gia công tác Đoàn tại địa phương giữ chức Bí thư Chi đoàn ấp H7; bị cáo giữ vai trò không đáng kể trong vụ án, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đồng ý bồi thường theo nội dung bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch Gia T đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại do các bị cáo phạm tội hết sức hung hăng, côn đồ và phạm tội có tổ chức, áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 173.200.000 đồng; bản án sơ thẩm chỉ buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại là chưa đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Cao Nguyễn H không nói lời sau cùng.

Bị cáo Huỳnh Thanh X nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi bị hại.

Bị cáo Nguyễn Minh K nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi bị hại.

Bị cáo Nguyễn Minh K1 nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo do rất ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1, của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T là bà Thạch Ngọc Diễm T1 gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp bị hại; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Do có mâu thuẫn với nhau trên mạng xã hội nên Thạch T6 H4 điện thoại hẹn Nguyễn Hoàng P đánh nhau. Đến khoảng 18 giờ ngày 28/5/2024, P điện thoại rủ Hoàng Văn K2, Phan Minh Đ1, Cao Nguyễn H, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1, Huỳnh Thanh X, Lâm Văn H3, Chao Minh Đ, Nguyễn Nhựt D, Trần Văn T4, Trần Tuấn B1, Đoàn Minh T5, Trương Văn B chuẩn bị dao tự chế là hung khí nguy hiểm đến đoạn đường nhựa thuộc ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là phường H, tỉnh Vĩnh Long) để gặp Thạch Thành H4 và Thạch Gia T đánh nhau. Đến nơi, cả nhóm cầm dao núp vào bụi cỏ ven đường. Khi T điều khiển xe mô tô chở H4 đến thì K2 cầm dao chạy ra chém về hướng của T và H4 nhưng không trúng. D cầm cục đá chạy ra và dùng

chân đạp vào xe của T làm cho xe ngã, pô xe đè lên làm bong vùng gót chân phải của T. Tiếp đến, Nguyễn Hoàng P; Huỳnh Thanh X; Nguyễn Minh K và Cao Nguyễn H dùng dao tự chế chém vào người của T, làm T bị thương ở cổ bàn tay trái; mặt sau khuỷu tay trái; ngón 1, ngón 2, ngón 3 bàn tay trái; mặt trước gối trái; mặt trước gối phải; mặt trước 1/3 giữa cẳng chân phải với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 18%. Thạch Thành H4 bỏ chạy ra ruộng thì bị Nguyễn Minh K1 đuổi theo dùng cán dao đánh trúng đầu 02-03 cái gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%, H4 không có yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo. Nguyễn Hoàng P, Chao Minh Đ, Trần Tuấn B1, Nguyễn Nhật D, Lâm Văn H3, Đoàn Minh T5, Hoàng Văn K2 và Phan Minh Đ1 tại thời điểm thực hiện hành vi cố ý gây thương tích vào ngày 28/5/2024, có độ tuổi từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi; Trương Văn B và Trần Văn T4 là người dưới 14 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Cao Nguyễn H, Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, c khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Cao Nguyễn H, Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K; thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Minh K thực hiện hành vi phạm tội khi đã đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên để xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo Nguyễn Minh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Cao Nguyễn H chưa có bồi thường thiệt hại cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không đúng quy định nhưng mức hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của

hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tổ chức” và “phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, đã chuẩn bị hung khí và chở Thạch Thành H4 đến để đánh nhau với nhóm của các bị cáo. Nhóm của các bị cáo mặc dù có rủ rê và cùng nhau chuẩn bị hung khí đi đánh nhau với nhóm của bị hại nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công, sắp đặt vai trò của từng người. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết tăng nặng này đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Từ những nhận định trên cho thấy, kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo; đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T yêu cầu tăng số tiền bồi thường thiệt hại. Buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 173.200.000 đồng, bao gồm chi phí cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi chức năng số tiền 31.600.000 đồng; bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 50 tháng lương cơ sở số tiền 117.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị giảm sút số tiền 18.000.000 đồng; chi phí cho người chăm sóc 6.600.000 đồng. Thấy rằng, ngoài các bị cáo thì các đối tượng Nguyễn Hoàng P, Chao Minh Đ, Trần Tuấn B1, Nguyễn Nhựt D, Lâm Văn H3, Đoàn Minh T5, Hoàng Văn K2 và Phan Minh Đ1, Trương Văn B và Trần Văn T4 cũng là đồng phạm trong việc cố ý gây thương tích cho bị hại nhưng do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, các đối tượng này và cha, mẹ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi của các đối tượng gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các đối tượng Nguyễn Hoàng P, Chao Minh Đ, Trần Tuấn B1, Nguyễn Nhựt D, Lâm Văn H3, Đoàn Minh T5, Hoàng Văn

K2 và Phan Minh Đ1, Trương Văn B và Trần Văn T4 và cha, mẹ của các đối tượng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có thiếu sót. Trong vụ án này ông Lâm X1 là cha của Lâm Văn H3 đã bồi thường 30.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do các bị cáo khắc phục là chưa phù hợp. Hơn nữa, khi thực hiện hành vi phạm tội và gây thiệt hại, bị cáo Cao Nguyễn H và Nguyễn Minh K là người đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên trường hợp bị cáo không có tài sản để bồi thường thì cha, mẹ của bị cáo Cao Nguyễn H là ông Cao Tấn H1 và bà Nguyễn Thị Thúy L; cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Minh K là ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường thay cho bị cáo bằng tài sản của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc các bị cáo liên đới bồi thường mà không xác định trách nhiệm bồi thường của cha, mẹ các bị cáo; ngoài ra cũng chưa xác định trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo tương ứng với mức độ lỗi hay bồi thường theo phần bằng nhau. Mặc dù trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, đã chuẩn bị hung khí và chở Thạch Thành H4 đến để đánh nhau với nhóm của các bị cáo nhưng thương tích của bị hại là do các bị cáo gây ra nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại. Về mức thiệt hại, bị hại Thạch Gia T, sinh ngày 20/02/2010 tại thời điểm sức khỏe bị xâm phạm chưa đủ 15 tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bị hại có lao động tạo ra thu nhập hay không nhưng buộc các bị cáo bồi thường thu nhập thực tế bị mất. Từ những nhận định trên, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 12-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long về phần trách nhiệm dân sự. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long để xét xử lại theo quy định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm bị hủy phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T đối với phần này.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Cao Nguyễn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh K1 phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh X yêu cầu giảm nhẹ hình phạt; kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh K1, Nguyễn Minh K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; kháng cáo của bị hại Thạch Gia T và người đại diện hợp pháp của bị hại Thạch Gia T yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự.

1.1 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, c khoản 1) Điều 134; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Cao Nguyễn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2025.

1.2 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, c khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, c khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179, Điều 115, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.4 Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, c khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 12-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long đối với phần trách nhiệm dân sự. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Huỳnh Thanh X, Nguyễn Minh K và Nguyễn Minh K1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Cao Nguyễn H không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 10- Vĩnh Long (12b);
- VKSND khu vực 10- Vĩnh Long (2b);
- Phòng THADS khu vực 10- Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Trà Vinh, xã Hưng Mỹ, xã Long Đức, tỉnh Vĩnh Long (3b);
- Bị cáo (4b);
- Bị hại (1b);
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo (1b);
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại (1b);
- Người bào chữa cho bị cáo (2b);
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại (1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn